TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2023/DS-ST

Ngày 30-11-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển;

2. Ông Đặng Văn Hai

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Văn Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2022/TLST- DS ngày 04/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100A/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 196/2023/QĐST-DS ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V2); Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Tp Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Phúc V1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, số B U, P hường 25, quận B, tp Hồ Chí Minh. Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/5/2022 (có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Xuân T, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Bùi Phúc V1, trình bày:

Ngày 25/12/2019, Ngân hàng TMCP Q (V2) Chi Nhánh Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 2520379.19 với bà Ngô Thị Xuân T nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho bà Ngô Thị Xuân T vay số tiền 895.000.000 đồng; Mục đích vay vốn mua 01 ô tô nhãn hiệu MAZDA CX–5 25G AT, biển số: 66A–

106.60; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7 %/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,9%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm; Hoàn Trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 06 hàng tháng. Trả làm 96 tháng, 95 tháng đầu mỗi tháng trả 9.320.000 đồng, tháng cuối trả 9.600.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên 06/02/2020, Trả nợ lãi: Vào ngày 06 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 ô tô nhãn hiệu MAZDA CX–5 25G AT, biển số: 66A–106.60 (Ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe bà T là người quản lý xe)

Ngày 25/12/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ngô Thị Xuân T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2520379(1).19 với số tiền 895.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/12/2019, bà Ngô Thị Xuân T có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó Ngân hàng V2 đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Ngô Thị Xuân T với hạn mức tín dụng là: 50.000.000 đồng, loại thẻ VIB FINANCIAL FREE, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Ngô Thị Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nên Ngân hàng V2 có yêu cầu Ngô Thị Xuân T tất toán khoản vay nhưng Ngô Thị Xuân T vẫn không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 30/11/2023, bà Ngô Thị Xuân T đã thanh toán cho Ngân hàng V2 số tiền là 100.935.814 đồng (trong đó tiền gốc: 55.920.000 đồng, lãi: 45.015.814 đồng).

Tạm tính đến ngày 30/11/2023, bà Ngô Thị Xuân T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP Q yêu câu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Ngô Thị Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 số tiền là: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng.

- Ngân hàng TMCP Q yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi bà Ngô Thị Xuân T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông văn bản tố tụng cho bị đơn Ngô Thị Xuân T (đăng lên phương tiện thông tin đại chúng) đã hết thời gian theo quy định nhưng bà T cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp công

khai chứng cứ, hòa giải, không tham gia phiên tòa theo thời gian đã ấn định trong thông báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Căn cứ Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Ngô Thị Xuân T tranh chấp hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là bà Ngô Thị Xuân T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bà Ngô Thị Xuân T xét xử lần thứ 2 đã tống đạt hợp lệ bằng biện pháp đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T không đến tham dự phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 25/12/2019, Ngân hàng TMCP Q (V2) Chi Nhánh Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 2520379.19 với bà Ngô Thị Xuân T nội dung hợp đồng: Ngân hàng cho bà Ngô Thị Xuân T vay số tiền 895.000.000 đồng; Mục đích vay vốn mua 01 ô tô nhãn hiệu MAZDA CX–5 25G AT, biển số: 66A–106.60; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,7 %/năm, Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,9%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm; Hoàn Trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 06 hàng tháng. Trả làm 96 tháng, 95 tháng

đầu mỗi tháng trả 9.320.000 đồng, tháng cuối trả 9.600.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên 06/02/2020, Trả nợ lãi: Vào ngày 06 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 ô tô nhãn hiệu MAZDA CX–5 25G AT, biển số: 66A–106.60 (Ngân hàng giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe bà T là người quản lý xe)

Ngày 25/12/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ngô Thị Xuân T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2520379(1).19 với số tiền 895.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 26/12/2019, bà Ngô Thị Xuân T có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó Ngân hàng V2 đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Ngô Thị Xuân T với hạn mức tín dụng là: 50.000.000 đồng, loại thẻ VIB FINANCIAL FREE, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Ngô Thị Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp và đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nên Ngân hàng V2 có yêu cầu Ngô Thị Xuân T tất toán khoản vay nhưng Ngô Thị Xuân T vẫn không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 30/11/2023, bà Ngô Thị Xuân T đã thanh toán cho Ngân hàng V2 số tiền là 100.935.814 đồng (trong đó tiền gốc: 55.920.000 đồng, lãi: 45.015.814 đồng).

Tạm tính đến ngày 30/11/2023, bà Ngô Thị Xuân T còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 số tiền là: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng.

- Ngân hàng TMCP Q yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi bà Ngô Thị Xuân T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Xét thấy, về trình tự thủ tục và nội dung xác lập Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q với Ngô Thị Xuân T mà phí nguyên đơn đã cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là phù hợp với quy định của pháp luật, được công nhận, có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Mục 1.5 của hợp đồng đã ký kết nên ngày 22/6/2021 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn được được quy định tại Điểm g, mục 1.4, Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng, đối với thẻ tín dụng Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển tòa bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Khoản 14 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

"*Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác* ".

Khoản 16 Điều 4 của Luật các tổ chức tín dụng quy định:

"Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi".

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 số tiền là: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá chứng cứ và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: buộc bà Ngô Thị Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 30/11/2023 số tiền là: 1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi bà T2 toán xong toàn bộ nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với tài sản đảm bảo là 01 ô tô nhãn hiệu MAZDA CX–5 25G AT, biển số: 66A–106.60 trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên Toà Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt thành vấn đề để giải quyết. Mặt khác hiện nay bà Ngô Thị Xuân T không có mặt tại địa phương theo như công văn số 42/CAX ngày 13/6/2023 của Công an xã T xác nhận bà Ngô Thị Xuân T không có sinh sống tại địa phương nên Toà án không thể thẩm định đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Ngô Thị Xuân T (bằng phương pháp tống đạt thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thei quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự), nhưng bà T vắng

mặt không có lý do nên bà T phải chịu mọi hậu quả pháp lý bà T phải tự chịu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Ngô THị Xuân T3 bị buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật, ngoài ra bà T3 còn phải chịu chi phí tố tụng khác theo quy định.

[1] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 180, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 14, khoản 16 Điều 4, Điều 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Ngô Thị Xuân T

[1] Buộc bà Ngô Thị Xuân T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/11/2023 là:1.506.151.090 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm lẻ sáu triệu một trăm năm mươi mốt ngàn không trăm chín mươi đồng), trong đó gồm có: Nợ gốc Hợp đồng tín dụng số 2520379.19 ngày 25/12/2019 là: 839.080.000 đồng, nợ lãi phát sinh là: 518.737.647 đồng, N thẻ tín dụng là: 148.333.444 đồng.

[2] Kể từ ngày 01/12/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Ngô Thị Xuân T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Xuân T phải chịu 57.185.000 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.611.000đồng (*Hai mươi mốt triệu sáu trăm mười một đồng*) ngày 04/7/2022 theo biên lai số 0006234 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lai Vung.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Ngô Thị Xuân T hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền đăng thông thông báo trên B là 3.900.000đ (ba triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 409 của Đài VOV và số 305 của B1.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay 30/11/2023 đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sử đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bích Thủy.